

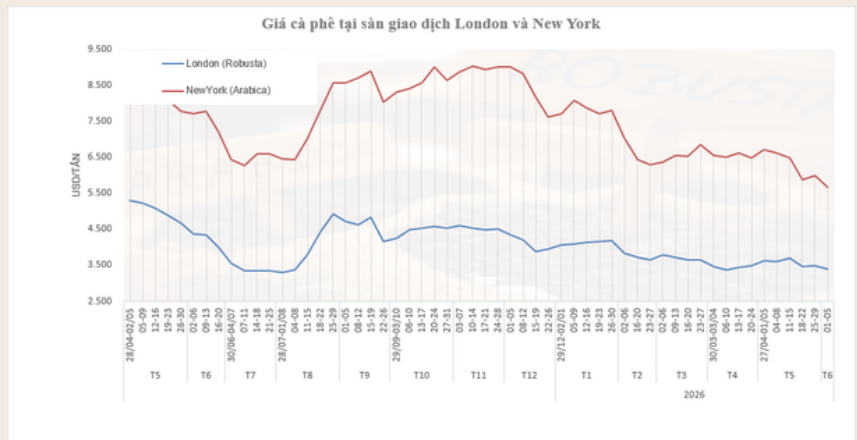
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê giảm trên hai sàn giao dịch New York và London trong tuần từ 01/06/2025 - 05/05/2026.
- Theo ECF, lượng cà phê lưu kho được báo cáo ở Bỉ, Đức, Pháp, Italy và Tây Ban Nha đã tăng 3,22% trong tháng 4/2026, đạt 6.815.933 bao.
- Theo USDA, sản lượng cà phê Brazil niên vụ tháng 7/2026-6/2027 dự kiến tăng 14,13% so với niên vụ hiện tại, đạt khoảng 71,90 triệu bao.
- Theo USDA, sản lượng cà phê của Costa Rica niên vụ 2026/2027 được dự báo tăng 3,5%, đạt khoảng 1,2 triệu bao.
- Hoa Kỳ đề xuất áp thuế 25% đối với cà phê hòa tan nhập khẩu từ Brazil.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 01/06/2026 đến 05/06/2026, giá cà phê thế giới giảm trên hai sàn giao dịch New York và London. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 07/2026 tại thị trường London bình quân đạt 3.406 USD/tấn, giảm 2,7% so với tuần trước và giảm 27,1% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.462 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.352 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 07/2026 bình quân đạt 5.669 USD/tấn, giảm 5,7% so với tuần trước, và giảm 27,2% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.855 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 5.449 USD/tấn.[1]

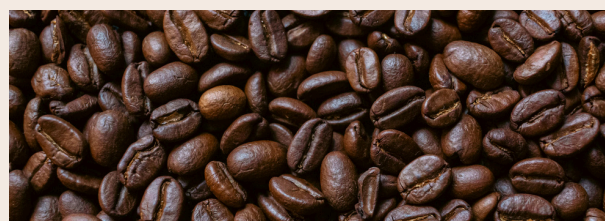
TỒN KHO CÀ PHÊ KHU VỰC CHÂU ÂU

Theo báo cáo tồn kho tiêu dùng mới nhất được công bố, Liên đoàn Cà phê châu Âu (ECF) cho biết lượng cà phê lưu kho được báo cáo ở Bỉ, Đức, Pháp, Italy và Tây Ban Nha đã tăng 3,22% trong tháng 4/2026, đạt 6.815.933 bao vào cuối tháng. Cơ cấu tồn kho bao gồm 2.512.817 bao cà phê Robusta, 2.034.883 bao Arabica, và 2.268.283 bao Arabica chế biến ướt.[2]

Mặc dù tăng so với tháng trước, mức tồn kho cuối tháng 4/2026 vẫn thấp hơn 3,64% so với cùng kỳ năm 2025, khi lượng tồn kho tại các kho cảng đạt 7.073.383 bao. Số liệu của Liên đoàn Cà phê châu Âu bao gồm cả lượng cà phê được chứng nhận đang lưu trữ tại các kho đạt chuẩn và đăng ký trên các sàn giao dịch

New York và London. Lượng tồn kho này tương đương với khoảng bảy tuần hoạt động rang xay, được xem là mức dự trữ tương đối thấp, dù vẫn cao hơn đáy lịch sử ghi nhận vào tháng 3/2024 (khoảng 6,40 triệu bao).[2]

Đối với cà phê Arabica chế biến ướt được chứng nhận trên sàn New York, tồn kho giảm 2.149 bao, xuống còn 432.781 bao; trong đó 72,75% được lưu giữ tại châu Âu và 27,25% tại Hoa Kỳ. Về xuất xứ, Honduras chiếm tỷ trọng lớn với 120.131 bao, tiếp đến là Peru với 61.407 bao, trong khi cà phê Arabica Brazil chế biến ướt đạt 10.740 bao.[2]



BRAZIL

Theo báo cáo thường niên của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng cà phê Brazil niên vụ tháng 7/2026-6/2027 dự kiến tăng 14,13% so với niên vụ hiện tại, đạt khoảng 71,90 triệu bao. Mức tăng này chủ yếu đến từ sự phục hồi của cà phê Arabica chế biến tự nhiên, với sản lượng ước đạt 47,50 triệu bao, tăng 25% so với cùng kỳ; trong khi sản lượng cà phê Conilon Robusta dự kiến giảm nhẹ 2,40%, còn 24,40 triệu bao.[3]

Cùng với triển vọng sản xuất thuận lợi, xuất khẩu cà phê Brazil trong niên vụ 2026/2027 được dự báo tăng 32,35%, đạt 45 triệu bao, trong khi tiêu thụ nội địa tăng 0,49%, lên 22,39 triệu bao. Lượng tồn kho cà phê chuyển tiếp từ niên vụ 2025/2026 sang 2026/2027 ước đạt 3,89 triệu bao.[3]

Niên vụ cà phê Brazil 2026/2027 sẽ góp phần cải thiện tồn kho tại nước sản xuất và thị trường tiêu dùng, hơn là tạo ra thặng dư lớn ngay lập tức. Sau nhiều năm thâm hụt khiến tồn kho toàn cầu ở mức thấp, giới đầu cơ hiện chuyển trọng tâm theo dõi sang diễn biến thời tiết mùa đông tại Brazil và các thông tin mới có thể ảnh hưởng đến tâm lý đầu tư cũng như xu hướng giao dịch.[3]

COSTA RICA

Theo báo cáo thường niên của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng cà phê nhân xanh của Costa Rica niên vụ 2026/2027 được dự báo tăng 3,5%, đạt khoảng 1,2 triệu bao, cao hơn mức 1,16 triệu bao của niên vụ 2025/2026 nhưng vẫn thấp hơn 1,315 triệu bao của niên vụ 2024/2025.[4]

Diện tích trồng cà phê của Costa Rica được dự báo sẽ duy trì ở mức khoảng 83.000 ha trong niên vụ 2026/2027, trong khi diện tích thu hoạch dự kiến đạt 79.000 ha. Khảo sát diện tích mới nhất cho thấy tổng diện tích trồng cà phê trên toàn quốc đã giảm 11,9% trong giai đoạn 2018–2022, với sự sụt giảm ghi nhận ở hầu hết các vùng ngoài khu vực Los Santos.[4]

Xuất khẩu cà phê Costa Rica niên vụ 2026/2027 được dự báo tăng 3,9%, đạt 1,06 triệu bao, trong đó Hoa Kỳ là thị trường lớn nhất, chiếm 39,6% xuất khẩu cà phê nhân xanh năm 2024/25. Trong khi đó, tiêu thụ nội địa dự kiến đi ngang ở mức 320.000 bao do giá bán lẻ cao. Ngành cà phê Costa Rica cũng đối mặt với rủi ro thời tiết, suy giảm số lượng nông hộ và yêu cầu tăng cường truy xuất nguồn gốc để đáp ứng EUDR.[4]

HOA KỲ ĐỀ XUẤT TĂNG THUẾ CÀ PHÊ HÒA TAN BRAZIL

Hiệp hội Cà phê Đặc sản Brazil (BSCA) đã đưa ra tuyên bố liên quan đến đề xuất áp thuế mới 25% của Hoa Kỳ đối với cà phê hòa tan nhập khẩu từ Brazil. Theo BSCA, việc phần lớn các sản phẩm cà phê Brazil được loại khỏi danh sách áp thuế là tín hiệu tích cực, bao gồm cà phê nhân chưa rang, cà phê rang, cà phê đã hoặc chưa khử caffeine, vỏ cà phê, sản phẩm thay thế có chứa cà phê, cũng như các chiết xuất, tinh chất và chế phẩm từ cà phê, ngoại trừ cà phê hòa tan không hương liệu.[5]

Theo đề xuất hiện tại, mặt hàng cà phê hòa tan Brazil có thể chịu mức thuế 25% sau ngày 15/7/2026, thay vì mức 10% hiện hành. BSCA bày tỏ quan ngại về tác động của biện pháp này đối với ngành cà phê hòa tan Brazil, cũng như toàn bộ chuỗi giá trị cà phê Brazil.[5]

Hiệp hội cho biết sẽ tiếp tục phối hợp với Chính phủ Brazil, các đối tác nhằm làm rõ các vấn đề liên quan, hướng tới khả năng miễn trừ cho toàn bộ sản phẩm cà phê Brazil. BSCA cũng nhấn mạnh đây mới là đề xuất trong quá trình xem xét pháp lý, chưa phải quyết định cuối cùng.[5]

BỒ ĐÀO NHA LẦN ĐẦU ĐĂNG CẠI TỔ CHỨC WORLD OF COFFEE

Hiệp hội Cà phê Đặc sản (SCA) thông báo Lisbon (Bồ Đào Nha) sẽ là thành phố đăng cai World of Coffee Europe 2027, diễn ra từ ngày 17-19/6/2027 tại Trung tâm Triển lãm và Hội nghị Lisbon (FIL). Đây là lần đầu tiên sự kiện World of Coffee được tổ chức tại Bồ Đào Nha, đánh dấu bước mở rộng quan trọng của chuỗi triển lãm thương mại toàn cầu dành cho ngành cà phê đặc sản.[6]

FIL, nằm tại khu Parque das Nações, được đánh giá là địa điểm phù hợp nhờ hạ tầng hiện đại, khả năng kết nối thuận lợi với sân bay quốc tế, hệ thống khách sạn, giao thông, ẩm thực và các điểm văn hóa. Lisbon được lựa chọn nhờ vị thế là trung tâm giao thoa giữa châu Âu, Mỹ Latinh và châu Phi, đồng thời sở hữu văn hóa cà phê lâu đời và cộng đồng cà phê đặc sản đang phát triển.[6]

World of Coffee Lisbon 2027 dự kiến thu hút hàng nghìn chuyên gia cà phê từ châu Âu và quốc tế, tạo không gian kết nối, đổi mới và hợp tác kinh doanh.[6]

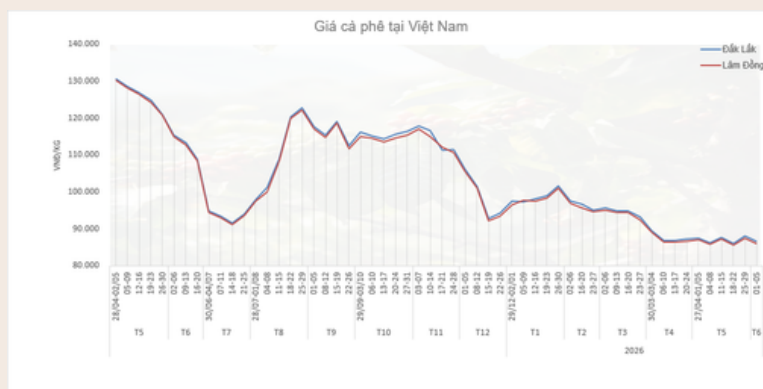




ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tại Lâm Đồng Đắc Lắc giảm so với tuần trước.
- Theo Cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 5/2026 đạt 2.433.333 bao, tăng 23,75% so với cùng kỳ năm trước.
- Theo ITC, trong 3 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu cà phê Việt Nam sang Malaysia, đạt 8 nghìn tấn, trị giá 37,1 triệu USD.
- Tỉnh Lâm Đồng cần chuyển từ xuất khẩu cà phê thô sang chế biến sâu để nâng cao giá trị xuất khẩu.
- Tỉnh Điện Biên thử nghiệm UAV phun phân bón cho cây cà phê.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



NGUỒN: CTV AGREINFOS

GIÁ CÀ PHÊ TRONG TUẦN

Trong tuần từ 01/06/2026 đến ngày 05/06/2026, giá cà phê tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắc Lắc giảm so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 86.713 VNĐ/kg, giảm 1,5% so với tuần trước, và giảm 28,4% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 87.533 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 85.733 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 86.020 VNĐ/kg, giảm 1,8% so với tuần trước, và giảm 28,7% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 86.800 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 85.100 VNĐ/kg. [1]

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM

Theo Cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 5/2026 đạt 2.433.333 bao, tăng 23,75% so với cùng kỳ năm trước. Diễn biến này cho thấy đà phục hồi rõ rệt về lượng xuất khẩu trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục giữ vai trò là quốc gia sản xuất và xuất khẩu cà phê Robusta lớn nhất thế giới sang các thị trường tiêu thụ.

Lũy kế tám tháng đầu niên vụ cà phê 2025/26, tính từ tháng 10/2025 đến tháng 9/2026, tổng lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam đạt 21.016.667 bao, tăng 4.233.617 bao, tương đương 25,22% so với cùng kỳ niên vụ trước.[2]

Cùng thời điểm, báo cáo của Cục Thống kê Việt Nam cho biết kim ngạch xuất khẩu cà phê trong năm tháng đầu năm 2026 đạt khoảng 4,20 tỷ USD, giảm 13,50% so với cùng kỳ năm trước.[2]

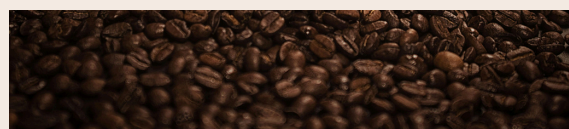


XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM SANG MALAYSIA

Theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong 3 tháng đầu năm 2026, Việt Nam tiếp tục là nguồn cung cà phê lớn nhất cho Malaysia, đạt 8 nghìn tấn, trị giá 37,1 triệu USD. Mặc dù lượng cà phê Malaysia nhập khẩu từ Việt Nam giảm 2,2% và trị giá giảm 17,3% so với cùng kỳ năm 2025, thị phần của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu cà phê của Malaysia vẫn tăng từ 36,9% lên 38,56%.[3]

Giá bình quân nhập khẩu cà phê của Malaysia từ Việt Nam trong kỳ đạt 4.617 USD/tấn, giảm 15,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi nhập khẩu từ Việt Nam giảm nhẹ, Malaysia tăng nhập khẩu từ Indonesia và Ấn Độ, cho thấy cạnh tranh giữa các nguồn cung trong khu vực đang gia tăng.[3]

Để mở rộng xuất khẩu sang Malaysia, doanh nghiệp Việt Nam cần chú trọng nâng cao chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và Halal, đồng thời phát triển cà phê chế biến, thương hiệu và kênh phân phối hiện đại. [3]



LÂM ĐỒNG

Dù là địa phương có diện tích cà phê lớn nhất cả nước với khoảng 314.000 ha đang cho thu hoạch, năng suất trung bình đạt 3,2 tấn nhân/ha, tỉnh Lâm Đồng vẫn đối mặt với nghịch lý xuất khẩu chủ yếu dưới dạng hạt nhân thô. Trong 4 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu cà phê cả nước đạt khoảng 791.090 tấn, trị giá 3,66 tỷ USD; tuy nhiên, khối lượng tăng 9,4% trong khi kim ngạch giảm 10,3% so với cùng kỳ năm trước. Thực tế này cho thấy hạn chế của mô hình phụ thuộc vào xuất khẩu thô, trong khi giá trị gia tăng lớn nằm ở khâu chế biến. Lâm Đồng có lợi thế về điều kiện tự nhiên, vùng nguyên liệu đạt các tiêu chuẩn như 4C, Rainforest Alliance, VietGAP, hữu cơ và chỉ dẫn địa lý cà phê Arabica Cầu Đất. Để nâng cao giá trị, ngành cà phê địa phương cần chuyển từ xuất thô sang chế biến sâu, thu hút đầu tư vào công nghệ rang xay, cà phê hòa tan, sấy hiện đại và các tổ hợp chế biến tập trung. Đồng thời, cần phát triển hợp tác xã, tăng liên kết chuỗi, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như EUDR, Net Zero và ESG.[4]

ĐIỆN BIÊN

Tỉnh Điện Biên đã phối hợp với FPT và công ty Trường Thịnh Drone thử nghiệm thiết bị bay không người lái (UAV) để phun phân bón qua lá cho cây cà phê tại xã Mường Ảng. Đây là hoạt động nhằm kiểm chứng khả năng ứng dụng công nghệ mới trong canh tác cà phê trên địa hình đồi núi, nơi sản xuất thường gặp khó khăn do độ dốc lớn, thiếu lao động và chi phí chăm sóc cao. Tại khu vực Hồ Ảng Cang, UAV đã phun phân bón cho khoảng 1 ha cà phê chỉ trong 10 phút, với đường bay ổn định và khả năng phân bổ vật tư tương đối chính xác. So với phương thức thủ công, việc sử dụng drone giúp rút ngắn đáng kể thời gian chăm sóc vườn cà phê, nhất là ở những khu vực người dân phải mang vác nước, phân bón lên đồi. Lượng nước sử dụng cũng giảm từ khoảng 200 lít/ha khi phun thủ công xuống còn 30–50 lít/ha khi dùng UAV. Thử nghiệm này cho thấy tiềm năng nâng cao hiệu quả chăm sóc cà phê, tiết kiệm nhân công, giảm lãng phí vật tư và tạo cơ sở để mở rộng mô hình nông nghiệp chính xác trong vùng trồng cà phê của Điện Biên.[5]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	86.800	86.200	86.700	85.300	85.100	86.020	-1.600
Di Linh	86.800	86.200	86.700	85.300	85.100	86.020	-1.600
Lâm Hà	86.800	86.200	86.700	85.300	85.100	86.020	-1.600
Bảo Lộc	86.800	86.200	86.700	85.300	85.100	86.020	-1.600
ĐẮK LẮK	87.233	87.533	87.133	85.933	85.733	86.713	-1.360
Cư M'gar	87.300	87.600	87.200	86.000	85.800	86.780	-1.360
Ea H'leo	87.200	87.500	87.100	85.900	85.700	86.680	-1.360
Buôn Hồ	87.200	87.500	87.100	85.900	85.700	86.680	-1.360
GIA LAI	87.233	86.633	87.133	85.933	85.733	86.533	-1.507
Chư Prông	87.300	86.700	87.200	86.000	85.800	86.600	-1.440
Pleiku	87.200	86.600	87.100	85.900	85.700	86.500	-1.540
La Grai	87.200	86.600	87.100	85.900	85.700	86.500	-1.540
Quảng Ngãi	87.200	86.600	87.100	85.900	85.700	86.500	-1.540
Kon Tum	87.200	86.600	87.100	85.900	85.700	86.500	-1.540

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: <https://www.iandmsmith.com>
- [3]: <https://www.iandmsmith.com>
- [4]: <https://dailycoffeenews.com>
- [5]: <https://www.comunicaffe.com>
- [6]: <https://europe.worldofcoffee.org>

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos
- [2]: <https://www.iandmsmith.com>
- [3]: <https://nongnghiepmoitruong.vn>
- [4]: <https://baolamdong.vn>
- [5]: <https://nhandan.vn>



Hệ thống thông tin thị trường cho
một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 16. Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn; Website: www.agro.gov.vn